

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN



BÁO CÁO ĐỒ ÁN

Lớp: IS211.N12.2 - Cơ sở dữ liệu phân tán

Giảng viên hướng dẫn thực hành: Thầy Võ Viết Đạt

Nhóm: 7

Sinh viên

Nguyễn Hoài Linh	20521534
Nguyễn Anh Kiệt	20521498
Nguyễn Thành Phát	20520270

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

Chương 1: Mô tả Cơ Sở Dữ Liệu	2
1.1. Thông tin chung.....	2
1.2. Mô tả thành phần dữ liệu quan hệ	2
1.2.1. Bảng PHONG	2
1.2.2. Bảng DỊCH VỤ	2
1.2.3. Bảng GIÁM GIẢ	2
1.2.4. Bảng KHÁCH HÀNG	3
1.2.5. Bảng DAT PHÒNG	3
1.2.6. Bảng DAT DỊCH VỤ	3
1.3. Phân mảnh các bảng	3
1.3.1. Bảng PHONG	3
1.3.2. Bảng DỊCH VỤ	4
1.3.3. Bảng GIÁM GIẢ	4
1.3.4. Bảng KHÁCH HÀNG	4
1.3.5. Bảng DAT PHÒNG	5
1.3.6. Bảng DAT DỊCH VỤ	5
1.4. Phân phối các mảnh	5
Chương 2: Mô tả các Procedure và Trigger	6
2.1. Procedure	6
2.1.1. Procedure thêm	6
2.1.2. Procedure xóa	14
2.1.3. Procedure sửa	16
2.2. Trigger	18
2.2.1. Trigger INSERT_DATPHONG	18
2.2.2. Trigger UPDATE_TRAPHONG.....	18
Chương 3: Thực hiện phân tán dữ liệu trên SQL Server.....	20
3.1. Quy trình kết nối với máy chủ.....	20
3.2. Quy trình tạo và gán quyền cho User	22
3.3. Quy trình tạo tài khoản	25
3.4. Quy trình kết nối hai thiết bị.....	28
3.5. Quy trình thực hiện Linked Server	34

Chương 1: Mô tả Cơ Sở Dữ Liệu

1.1. Thông tin chung

Thông tin chung			
PHONG	(<u>MaPhong</u> , TenPhong, LoaiPhong, SLGiuong, Gia, DiaDiem)		
DICHVU	(<u>MaDichVu</u> , TenDichVu, MoTa, Gia)		
GIAMGIA	(<u>MaGiamGia</u> , Mota, YeuCau, MucGiam, SoLuongMa)		
KHACHANG	(<u>MaKhachHang</u> , TenKhachHang, SDT, GioiTinh)		
DATPHONG	(<u>MaDatPhong</u> , MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTien, TrangThai, MaGiamGia)		
DATDICHVU	(<u>MaDatPhong</u> , <u>MaDichVu</u>)		

Bảng 1: Các bảng có trong Đồ Án

1.2. Mô tả thành phần dữ liệu quan hệ

1.2.1. Bảng PHONG

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaPhong</u>	Mã phòng	int	Tăng tự động
TenPhong	Tên phòng	nvarchar(250)	-
LoaiPhong	Loại phòng	nvarchar(250)	'Standard', 'Deluxe', 'Supervisor'
SLGiuong	Số lượng giường	int	-
Gia	Giá phòng	money	-
DiaDiem	Địa điểm	nvarchar(250)	'TP.HCM', 'Hà Nội', 'Hải Phòng'

Bảng 2: Mô tả bảng PHONG

1.2.2. Bảng DICHVU

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaDichVu</u>	Mã dịch vụ	int	Tăng tự động
TenDichVu	Tên dịch vụ	nvarchar(250)	-
MoTa	Mô tả về dịch vụ	nvarchar(250)	-
Gia	Giá dịch vụ	money	-

Bảng 3: Mô tả bảng DICHVU

1.2.3. Bảng GIAMGIA

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaGiamGia</u>	Mã giảm giá	int	Tăng tự động
MoTa	Mô tả về mã giảm giá	nvarchar(250)	-

YeuCau	Yêu cầu hóa đơn tối thiểu để được giảm giá	money	-
MucGiam	Mức tiền được giảm	money	-
SoLuongMa	Số lượng mã giảm giá có thể sử dụng	int	

Bảng 4: Mô tả bảng GIAMGIA

1.2.4. Bảng KHACHHANG

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaKhachHang</u>	Mã khách hàng	int	Tăng tự động
TenKhachHang	Họ tên khách hàng	nvarchar(250)	-
SDT	Số điện thoại của khách hàng	varchar(12)	-
GioiTinh	Giới tính	nvarchar(3)	‘Nam’, ‘Nữ’

Bảng 5: Mô tả bảng KHACHHANG

1.2.5. Bảng DATPHONG

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaDatPhong</u>	Mã đặt phòng	int	Tăng tự động
MaPhong	Mã phòng	int	-
MaKhachHang	Mã khách hàng	int	-
NgayNhan	Ngày nhận phòng	smalldatetime	-
NgayTra	Ngày trả phòng	smalldatetime	-
TongTien	Tổng tiền	money	-
TrangThai	Trạng thái của việc đặt phòng	int	1: Đã đặt phòng 2: Đã trả phòng
MaGiamGia	Mã giảm giá	int	-

Bảng 6: Mô tả bảng DATPHONG

1.2.6. Bảng DATDICHVU

Thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Giá trị
<u>MaDatPhong</u>	Mã đặt phòng	int	-
<u>MaDichVu</u>	Mã dịch vụ	int	-

Bảng 7: Mô tả bảng DATDICHVU

1.3. Phân mảnh các bảng

1.3.1. Bảng PHONG

PHONG (MaPhong, TenPhong, LoaiPhong, SLGiuong, Gia, DiaDiem)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
PHONG.1	MaPhong >= 1 AND MaPhong <= 150 AND DiaDiem = 'TP.HCM'
PHONG.2	MaPhong >= 151 AND MaPhong <= 300 AND DiaDiem = 'Hà Nội'
PHONG.3	MaPhong >= 301 AND DiaDiem = 'Hải Phòng'

Bảng 8: Phân mảnh ngang bảng PHONG

1.3.2. Bảng DICHVU

DICHVU (MaDichVu, TenDichVu, MoTa, Gia)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
DICHVU.1	MaDichVu >= 1 AND MaDichVu <= 150 AND Gia >= 100000 AND Gia < 700000
DICHVU.2	MaDichVu >= 151 AND MaDichVu <= 300 AND Gia >= 700000 AND Gia < 1500000
DICHVU.3	MaDichVu >= 301 AND Gia >= 1500000 AND Gia < 3000000

Bảng 9: Phân mảnh ngang bảng DICHVU

1.3.3. Bảng GIAMGIA

GIAMGIA (MaGiamGia, Mota, YeuCau, MucGiam, SoLuongMa)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
GIAMGIA.1	MaGiamGia >= 1 AND MaGiamGia <= 150 AND YeuCau >= 5000000 AND YeuCau < 7000000 AND MucGiam >= 300000 AND MucGiam < 600000
GIAMGIA.2	MaGiamGia >= 151 AND MaGiamGia <= 300 AND YeuCau >= 7000000 AND MucGiam >= 600000 AND MucGiam < 1000000
GIAMGIA.3	MaGiamGia >= 301 AND YeuCau >= 5000000 AND YeuCau < 7000000 AND MucGiam >= 300000 AND MucGiam < 600000

Bảng 10: Phân mảnh bảng GIAMGIA

1.3.4. Bảng KHACHHANG

KHACHANG (MaKhachHang, TenKhachHang, SDT, GioiTinh)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
KHACHHANG.1	(MaKhachHang, TenKhachHang)
KHACHHANG.2	(MaKhachHang, SDT, TenKhachHang)
KHACHHANG.3	(MaKhachHang, TenKhachHang, GioiTinh)

Bảng 11: Phân mảnh dọc bảng KHACHANG

1.3.5. Bảng DATPHONG

DATPHONG (MaDatPhong, MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTien, TrangThai, MaGiamGia)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
DATPHONG.1	(MaDatPhong, MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TrangThai)
DATPHONG.2	(MaDatPhong, MaPhong, MaGiamGia, TongTien)

Bảng 12: Phân mảnh dọc bảng DATPHONG

1.3.6. Bảng DATDICHVU

DATPHONG (MaDatPhong, MaDichVu)

Tên phân mảnh	Điều kiện phân mảnh
DATDICHVU.1	MaDichVu >= 1 AND MaDichVu <= 150
DATDICHVU.2	MaDichVu >= 151 AND MaDichVu <= 300
DATDICHVU.3	MaDichVu >= 301

Bảng 13: Phân mảnh ngang bảng DATDICHVU

1.4. Phân phối các mảnh

Tên site	Các phân mảnh của site
TP.HCM tại Site 1	PHONG.1, DICHVU.1, GIAMGIA.1, KHACHHANG.1, DATPHONG.1, DATDICHVU.1
Hà Nội tại Site 2	PHONG.2, DICHVU.2, GIAMGIA.2, KHACHHANG.2, DATPHONG.2, DATDICHVU.2
Hải Phòng tại Site 3	PHONG.3, DICHVU.3, GIAMGIA.3, KHACHHANG.3, DATDICHVU.3

Bảng 14: Bảng phân phối các mảnh

Chương 2: Mô tả các Procedure và Trigger

2.1. Procedure

2.1.1. Procedure thêm

Tên procedure	Ý nghĩa
INSERT_PHONG	Thêm thông tin phòng
INSERT_DICHVU	Thêm thông tin dịch vụ
INSERT_GIAMGIA	Thêm thông tin mã giảm giá
INSERT_KHACHHANG	Thêm thông tin khách hàng
PROC_INSERT_DATPHONG	Thực hiện lệnh đặt phòng khách sạn
INSERT_DATDICHVU	Thực hiện lệnh đặt dịch vụ cho phòng

Bảng 15: Mô tả các Procedure Thêm

2.1.1.1. Procedure INSERT_PHONG

```
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_PHONG @TenPhong NVARCHAR(250),
                                         @LoaiPhong NVARCHAR(250),
                                         @SLGiuong INT,
                                         @Gia MONEY,
                                         @DiaDiem NVARCHAR(250)
AS
BEGIN
    INSERT INTO PHONG VALUES (@TenPhong, @LoaiPhong, @SLGiuong, @Gia
, @DiaDiem);
END;
```

2.1.1.2. Procedure INSERT_DICHVU

```
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_DICHVU @TenDichVu NVARCHAR(250),
                                         @MoTa NVARCHAR(1000),
                                         @Gia MONEY
AS
BEGIN
    INSERT INTO DICHVU VALUES(@TenDichVu, @MoTa , @Gia)
END;
```

2.1.1.3. Procedure INSERT_GIAMGIA

```
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_GIAMGIA @Mota NVARCHAR(250),
                                         @YeuCau MONEY,
                                         @MucGiam MONEY,
                                         @SL INT
AS
BEGIN
    INSERT INTO GIAMGIA VALUES(@Mota, @YeuCau, @MucGiam, @SL);
END;
```

2.1.1.4. Procedure *INSERT_KHACHHANG*

```
-- SITE 1 -- TPHCM
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_KHACHHANG @TenKhachHang
NVARCHAR(250)
AS
BEGIN
    INSERT INTO KHACHHANG VALUES(@TenKhachHang);
END;

-- SITE 2 -- HÀ NỘI
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_KHACHHANG @MaKhachHang INT, @SDT
VARCHAR(12)
AS
BEGIN
    INSERT INTO KHACHHANG VALUES(@MaKhachHang, @SDT);
END;

-- SITE 3 -- HẢI PHÒNG
CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_KHACHHANG @MaKhachHang INT,
@TenKhachHang NVARCHAR(250), @GioiTinh NVARCHAR(3)
AS
BEGIN
    INSERT INTO KHACHHANG VALUES(@MaKhachHang, @TenKhachHang,
@GioiTinh);
END;
```

2.1.1.5. Procedure *PROC_INSERT_DATPHONG*

```
CREATE OR ALTER PROCEDURE PROC_INSERT_DATPHONG @TenPhong
NVARCHAR(250),
@DiaDiem NVARCHAR(250),
@TenKhachHang NVARCHAR(250),
@SDT VARCHAR(12),
@GioiTinh NVARCHAR(3)
AS
BEGIN
    DECLARE @MaPhong INT, @GiaPhong MONEY, @MaKhachHang INT,
@MaGiamGia INT, @MucGiam MONEY, @Tong MONEY

    --Lấy mã phòng
    IF @DiaDiem = N'TP.HCM'
    BEGIN
        SELECT @MaPhong = MaPhong, @GiaPhong = Gia
        FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].PHONG
        WHERE TenPhong = @TenPhong AND DiaDiem = @DiaDiem;
    END
    ELSE
    BEGIN
        IF @DiaDiem = N'Hà Nội'
```



```

BEGIN
    SELECT @MaPhong = MaPhong, @GiaPhong = Gia
    FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].PHONG
    WHERE TenPhong = @TenPhong AND DiaDiem = @DiaDiem;
END
ELSE
BEGIN
    IF @DiaDiem = N'Hải Phòng'
    BEGIN
        SELECT @MaPhong = MaPhong, @GiaPhong = Gia
        FROM [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].PHONG
        WHERE TenPhong = @TenPhong AND DiaDiem = @DiaDiem;
    END
END
END

--Lấy mã khách hàng
IF EXISTS (SELECT *
    FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].KHACHHANG HCM,
    [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].KHACHHANG HN,
    [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].KHACHHANG HP
    WHERE HCM.TenKhachHang = @TenKhachHang AND HN.SDT = @SDT
    AND HP.GioiTinh = @GioiTinh
    AND HCM.MaKhachHang = HN.MaKhachHang AND HN.MaKhachHang
    = HP.MaKhachHang)
BEGIN
    SELECT @MaKhachHang = HCM.MaKhachHang
    FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].KHACHHANG HCM,
    [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].KHACHHANG HN,
    [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].KHACHHANG HP
    WHERE HCM.TenKhachHang = @TenKhachHang AND HN.SDT = @SDT AND
    HP.GioiTinh = @GioiTinh
END
ELSE
BEGIN
    INSERT INTO [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].KHACHHANG
    (TenKhachHang)VALUES (@TenKhachHang);
    INSERT INTO [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].KHACHHANG
    (TenKhachHang, SDT) VALUES (@TenKhachHang, @SDT);
    INSERT INTO [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].KHACHHANG
    (TenKhachHang, GioiTinh)VALUES (@TenKhachHang, @GioiTinh);

    SELECT @MaKhachHang = HCM.MaKhachHang
    FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].KHACHHANG HCM,
    [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].KHACHHANG HN,
    [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].KHACHHANG HP
    WHERE HCM.TenKhachHang = @TenKhachHang AND HN.SDT = @SDT AND
    HP.GioiTinh = @GioiTinh
END

```

```

--Lấy mã giảm giá và thêm vào bảng DATPHONG
SELECT @Tong = @GiaPhong;

IF (@Tong < 5000000)
BEGIN
    INSERT INTO [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATPHONG (MaPhong,
MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TrangThai) VALUES (@MaPhong,
@MaKhachHang, GETDATE(), NULL, 1);
    INSERT INTO [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG (MaPhong,
MaGiamGia, TongTien) VALUES (@MaPhong, NULL, @Tong);
END
ELSE
BEGIN
    IF(@Tong >= 5000000 AND @Tong < 7000000)
    BEGIN
        IF(@DiaDiem = N'TP.HCM')
        BEGIN
            SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
FROM
[LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
WHERE SoLuongMa > 0
ORDER BY MucGiam DESC);

            SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
FROM
[LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia);

            UPDATE [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
        END
    ELSE
    BEGIN
        IF(@DiaDiem = N'Hải Phòng')
        BEGIN
            SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
FROM
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
WHERE SoLuongMa > 0
ORDER BY MucGiam DESC);

            SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
FROM
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
WHERE MaGiamGia =
@MaGiamGia);
        END
    END
END

```

```

        UPDATE [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
        SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
        WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
    END
END
ELSE
BEGIN
    IF(@Tong >= 7000000)
    BEGIN
        IF(@DiaDiem = N'Hà Nội')
        BEGIN
            SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
            FROM
[HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE SoLuongMa > 0
                                ORDER BY MucGiam DESC);

            SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
            FROM
[HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE MaGiamGia =
@MaGiamGia);

            UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
            SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
            WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
        END
    END
END

SELECT @Tong = @Tong - @MucGiam;

INSERT INTO [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATPHONG (MaPhong,
MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TrangThai) VALUES (@MaPhong,
@MaKhachHang, GETDATE(), NULL, 1);
INSERT INTO [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG (MaPhong,
MaGiamGia, TongTien) VALUES (@MaPhong, @MaGiamGia, @Tong);
END
END

```

2.1.1.6. Procedure INSERT_DATDICHVU

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE INSERT_DATDICHVU @MaDP INT,
                                           @MaDV INT
AS
BEGIN
    DECLARE @GiaDV MONEY, @Tong MONEY, @YeuCau MONEY, @MucGiam
MONEY, @MaGiamGia INT

```

```

--Tìm giá dịch vụ
IF(@MaDV >= 1 AND @MaDV <= 150) --Site HCM
BEGIN
    SELECT @GiaDV = Gia
    FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DICHVU
    WHERE MaDichVu = @MaDV
END
ELSE
BEGIN
    IF(@MaDV >= 151 AND @MaDV <= 300) --Site HN
    BEGIN
        SELECT @GiaDV = Gia
        FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DICHVU
        WHERE MaDichVu = @MaDV
    END
    ELSE
    BEGIN
        IF(@MaDV >= 301) --Site HP
        BEGIN
            SELECT @GiaDV = Gia
            FROM [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].DICHVU
            WHERE MaDichVu = @MaDV
        END
    END
END

--Tính tiền phòng + dịch vụ (- giảm giá)
SELECT @Tong = (SELECT TongTien
                FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG
                WHERE MaDatPhong = @MaDP)
                + @GiaDV;

--Thêm vào bảng DatDichVu
IF(@MaDV >= 1 AND @MaDV <= 150) --Site HCM
BEGIN
    INSERT INTO [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATDICHVU VALUES
(@MaDP, @MaDV);
END
ELSE
BEGIN
    IF(@MaDV >= 151 AND @MaDV <= 300) --Site HN
    BEGIN
        INSERT INTO [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATDICHVU VALUES
(@MaDP, @MaDV);
    END
    ELSE
    BEGIN
        IF(@MaDV >= 301) --Site HP

```

```

BEGIN
    INSERT INTO
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].DATDICHVU VALUES (@MaDP, @MaDV);
END
END

--Kiểm tra khi đặt phòng có được giảm giá hay chưa
IF EXISTS (SELECT MaGiamGia
            FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG
            WHERE MaDatPhong = @MaDP)
--Đã được giảm
BEGIN
    UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG
    SET TongTien = @Tong
    WHERE MaDatPhong = @MaDP;
END
ELSE --Chưa được giảm
BEGIN
    IF (@Tong < 5000000) --Không đủ điều kiện để được giảm
    BEGIN
        UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG
        SET TongTien = @Tong
        WHERE MaDatPhong = @MaDP;
    END
    ELSE --Đủ điều kiện để được giảm
    BEGIN
        IF (@Tong >= 5000000 AND @Tong < 7000000)
        BEGIN
            IF (@MaDV >= 1 AND @MaDV <= 150) --Site HCM
            BEGIN
                SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
                                     FROM
[LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
                                     WHERE SoLuongMa > 0
                                     ORDER BY MucGiam DESC);

                SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
                                   FROM
[LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
                                   WHERE MaGiamGia =
@MaGiamGia);

                UPDATE [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].GIAMGIA
                SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
                WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
            END
            ELSE
            BEGIN

```

```

        IF(@MaDV >= 301) --Site HP
        BEGIN
            SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
                                FROM
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE SoLuongMa > 0
                                ORDER BY MucGiam DESC);

            SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
                                FROM
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE MaGiamGia =
@MaGiamGia);

            UPDATE
[HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].GIAMGIA
            SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
            WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
        END
    END
ELSE
BEGIN
    IF(@Tong >= 7000000)
    BEGIN
        IF(@MaDV >= 151 AND @MaDV <= 300) --Site HN
        BEGIN
            SELECT @MaGiamGia = (SELECT TOP 1 MaGiamGia
                                FROM
[HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE SoLuongMa > 0
                                ORDER BY MucGiam DESC);

            SELECT @MucGiam = (SELECT MucGiam
                                FROM
[HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
                                WHERE MaGiamGia =
@MaGiamGia);

            UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].GIAMGIA
            SET SoLuongMa = SoLuongMa - 1
            WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
        END
    END
END

SELECT @Tong = @Tong - @MucGiam;

UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG

```

```

        SET TongTien = @Tong, MaGiamGia = @MaGiamGia
        WHERE MaDatPhong = @MaDP;
    END
END
END

```

2.1.2. Procedure xóa

Tên procedure	Ý nghĩa
DELETE_PHONG	Xóa thông tin phòng
DELETE_DICHVU	Xóa thông tin dịch vụ
DELETE_GIAMGIA	Xóa thông tin mã giảm giá
DELETE_KHACHHANG	Xóa thông tin khách hàng
DELETE_DATDICHVU	Xóa dịch vụ đã đặt

Bảng 16: Mô tả các Procedure Xóa

2.1.2.1. Procedure DELETE_PHONG

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE DELETE_PHONG @MaPhong INT
AS
BEGIN
    DELETE FROM PHONG
    WHERE MaPhong = @MaPhong
END;

```

2.1.2.2. Procedure DELETE_DICHVU

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE DELETE_DICHVU @MaDichVu INT
AS
BEGIN
    DELETE FROM DICHVU
    WHERE MaDichVu = @MaDichVu
END;

```

2.1.2.3. Procedure DELETE_GIAMGIA

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE DELETE_GIAMGIA @MaGiamGia INT
AS
BEGIN
    DELETE FROM GIAMGIA
    WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
END;

```

2.1.2.4. Procedure DELETE_KHACHHANG

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE DELETE_KHACHHANG @MaKhachHang INT
AS
BEGIN
    DELETE FROM KHACHHANG
    WHERE MaKhachHang = @MaKhachHang

```

END;

2.1.2.5. Procedure DELETE_DATDICHVU

```
CREATE OR ALTER PROCEDURE DELETE_DATDICHVU @MaDP INT, @MaDV INT
AS
```

```
BEGIN
```

```
    DECLARE @GiaDV MONEY;
```

```
    --Tìm giá dịch vụ
```

```
    IF(@MaDV >= 1 AND @MaDV <= 150) --Site HCM
```

```
    BEGIN
```

```
        SELECT @GiaDV = Gia
```

```
        FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DICHVU
```

```
        WHERE MaDichVu = @MaDV
```

```
    END
```

```
    ELSE
```

```
    BEGIN
```

```
        IF(@MaDV >= 151 AND @MaDV <= 300) --Site HN
```

```
        BEGIN
```

```
            SELECT @GiaDV = Gia
```

```
            FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DICHVU
```

```
            WHERE MaDichVu = @MaDV
```

```
        END
```

```
    ELSE
```

```
    BEGIN
```

```
        IF(@MaDV >= 301) --Site HP
```

```
        BEGIN
```

```
            SELECT @GiaDV = Gia
```

```
            FROM [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].DICHVU
```

```
            WHERE MaDichVu = @MaDV
```

```
        END
```

```
    END
```

```
END
```

```
--Cập nhật tổng tiền
```

```
UPDATE [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATPHONG
```

```
SET TongTien = TongTien - @GiaDV
```

```
WHERE MaDatPhong = @MaDP;
```

```
--Xóa dữ liệu trong bảng DATDICHVU
```

```
IF(@MaDV >= 1 AND @MaDV <= 150) --Site HCM
```

```
BEGIN
```

```
    DELETE FROM [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATDICHVU
```

```
    WHERE MaDatPhong = @MaDP AND MaDichVu = @MaDV;
```

```
END
```

```
ELSE
```

```
BEGIN
```

```
    IF(@MaDV >= 151 AND @MaDV <= 300) --Site HN
```

```
    BEGIN
```



```

        DELETE FROM [HANOI].[HOTEL_HANOI].[dbo].DATDICHVU
        WHERE MaDatPhong = @MaDP AND MaDichVu = @MaDV;
    END
    ELSE
    BEGIN
        IF(@MaDV >= 301) --Site HP
        BEGIN
            DELETE FROM
            [HAIPHONG].[HOTEL_HAIPHONG].[dbo].DATDICHVU
            WHERE MaDatPhong = @MaDP AND MaDichVu = @MaDV;
        END
    END
END
END

```

2.1.3. Procedure sửa

Tên procedure	Ý nghĩa
UPDATE_PHONG	Cập nhật thông tin của phòng
UPDATE_DICHVU	Cập nhật thông tin của dịch vụ
UPDATE_GIAMGIA	Cập nhật thông tin của mã giảm giá
UPDATE_KHACHHANG	Cập nhật thông tin của khách hàng
PROC_TRAPHONG	Cập nhật trạng thái đặt phòng là “Đã trả phòng”

Bảng 17: Mô tả các Procedure Sửa

2.1.3.1. Procedure UPDATE_PHONG

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_PHONG @MaPhong INT,
                                         @TenPhong NVARCHAR(250),
                                         @LoaiPhong NVARCHAR(250) ,
                                         @SLGiuong INT,
                                         @Gia MONEY,
                                         @DiaDiem NVARCHAR(250)
)
AS
BEGIN
    UPDATE PHONG
    SET TenPhong = @TenPhong, LoaiPhong = @LoaiPhong, SLGiuong =
    @SLGiuong, Gia = @Gia, DiaDiem = @DiaDiem
    WHERE MaPhong = @MaPhong
END;

```

2.1.3.2. Procedure UPDATE_DICHVU

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_DICHVU @MaDichVu INT,
                                         @TenDichVu NVARCHAR(250),
                                         @MoTa NVARCHAR(1000),
                                         @Gia MONEY
AS

```

```

BEGIN
    UPDATE DICHVU
    SET     TenDichVu = @TenDichVu, MoTa = @MoTa, Gia = @Gia
    WHERE MaDichVu = @MaDichVu
END;

```

2.1.3.3. Procedure UPDATE_GIAMGIA

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_GIAMGIA @MaGiamGia INT,
                                           @Mota      NVARCHAR(250),
                                           @YeuCau      MONEY,
                                           @MucGiam      MONEY,
                                           @SL           INT
AS
BEGIN
    UPDATE GIAMGIA
    SET Mota = @Mota, YeuCau = @YeuCau, MucGiam = @MucGiam,
    SoLuongMa = @SL
    WHERE MaGiamGia = @MaGiamGia
END;

```

2.1.3.4. Procedure UPDATE_KHACHHANG

```

-- SITE 1 -- TPHCM
CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_KHACHHANG @MaKhachHang INT,
@TenKhachHang NVARCHAR(250)
AS
BEGIN
    UPDATE KHACHHANG
    SET TenKhachHang = @TenKhachHang
    WHERE MaKhachHang = @MaKhachHang
END;

-- SITE 2 -- HÀ NỘI
CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_KHACHHANG @MaKhachHang INT, @SDT
VARCHAR(12)
AS
BEGIN
    UPDATE KHACHHANG
    SET SDT = @SDT
    WHERE MaKhachHang = @MaKhachHang
END;

-- SITE 3 -- HẢI PHÒNG
CREATE OR ALTER PROCEDURE UPDATE_KHACHHANG @MaKhachHang INT,
@TenKhachHang NVARCHAR(250), @GioiTinh NVARCHAR(3)
AS
BEGIN
    UPDATE KHACHHANG

```

```

SET TenKhachHang = @TenKhachHang, GioiTinh = @GioiTinh
WHERE MaKhachHang = @MaKhachHang
END;

```

2.1.3.5. Procedure PROC_TRAPHONG

```

CREATE OR ALTER PROCEDURE PROC_TRAPHONG @MaDP INT
AS
BEGIN
    UPDATE [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATPHONG
    SET NgayTra = GETDATE(), TrangThai = 2
    WHERE MaDatPhong = @MaDP;
END;

```

2.2. Trigger

Tên trigger	Ý nghĩa
INSERT_DATPHONG	Ràng buộc về việc đặt phòng: Không có nhiều hơn một khách hàng đặt cùng một phòng trong cùng một khoảng thời gian.
UPDATE_TRAPHONG	Ràng buộc về việc trả phòng: Thời gian trả phòng không nhỏ hơn hoặc bằng thời gian nhận phòng.

Bảng 18: Mô tả các Trigger

2.2.1. Trigger INSERT_DATPHONG

Tại site Hồ Chí Minh, cài đặt trigger sau:

```

CREATE OR ALTER TRIGGER INSERT_DATPHONG
ON DATPHONG
AFTER INSERT
AS
BEGIN
    set dateformat dmy;
    IF EXISTS (SELECT *
                FROM INSERTED I, DATPHONG D
                WHERE I.MaPhong = D.MaPhong AND I.MaDatPhong <>
D.MaDatPhong AND
                (DATEDIFF(DAY, D.NgayNhan, I.NgayNhan) <= 0 OR
D.NgayTra = NULL OR DATEDIFF(DAY, D.NgayTra, I.NgayNhan) <= 0))
    BEGIN
        ROLLBACK TRANSACTION;
        PRINT(N'PHÒNG ĐANG ĐƯỢC ĐẶT !!!')
    END
END;

```

2.2.2. Trigger UPDATE_TRAPHONG

Tại site Hồ Chí Minh, cài đặt trigger sau:

```

CREATE OR ALTER TRIGGER UPDATE_TRAPHONG
ON DATPHONG
AFTER UPDATE
AS
BEGIN
    set dateformat dmy;
    IF UPDATE(NgayTra)
    BEGIN
        IF EXISTS (SELECT *
                    FROM INSERTED I
                    WHERE DATEDIFF(DAY, I.NgayNhan, I.NgayTra) <= 0)
        BEGIN
            ROLLBACK TRANSACTION;
            PRINT(N'THỜI HẠN TRẢ PHÒNG KHÔNG HỢP LỆ !!!')
        END
    END

    IF UPDATE(TrangThai)
    BEGIN
        IF EXISTS (SELECT *
                    FROM INSERTED I,
                    [LOUIS].[HOTEL_TPHCM].[dbo].DATPHONG HCM
                    WHERE DATEDIFF(DAY, I.NgayNhan, I.NgayTra) <= 0
                    AND I.TrangThai = 2
                    AND I.MaDatPhong = HCM.MaDatPhong)
        BEGIN
            ROLLBACK TRANSACTION;
            PRINT('THỜI HẠN TRẢ PHÒNG KHÔNG HỢP LỆ !!!')
        END
    END
END;

```

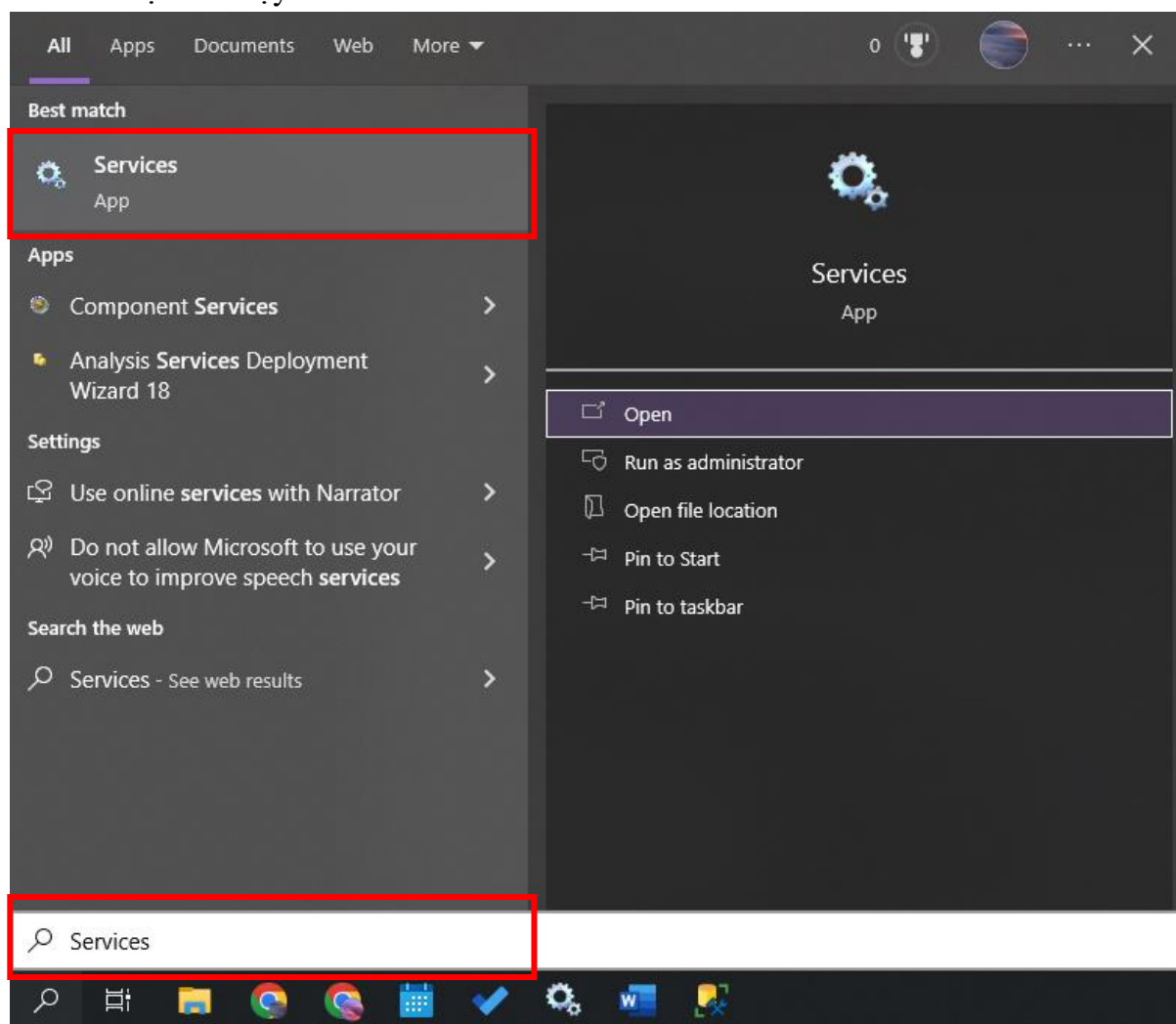
Chương 3: Thực hiện phân tán dữ liệu trên SQL Server

3.1. Quy trình kết nối với máy chủ

Tại mỗi site, cần kết nối với server trong từng site.

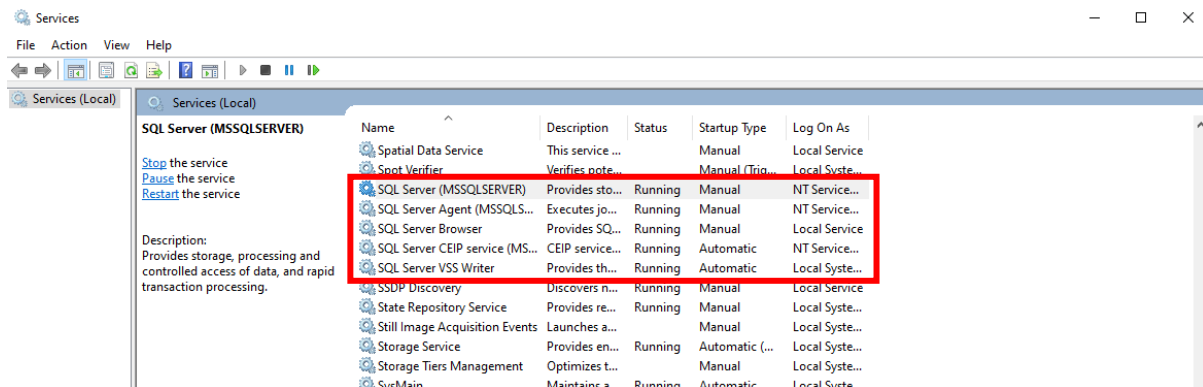
- **Bước 1:** Bật các Service của SQL Server theo các bước sau:

- Vào mục tìm kiếm trên máy tính, tìm từ khóa “Services”.
- Chọn và chạy Services.



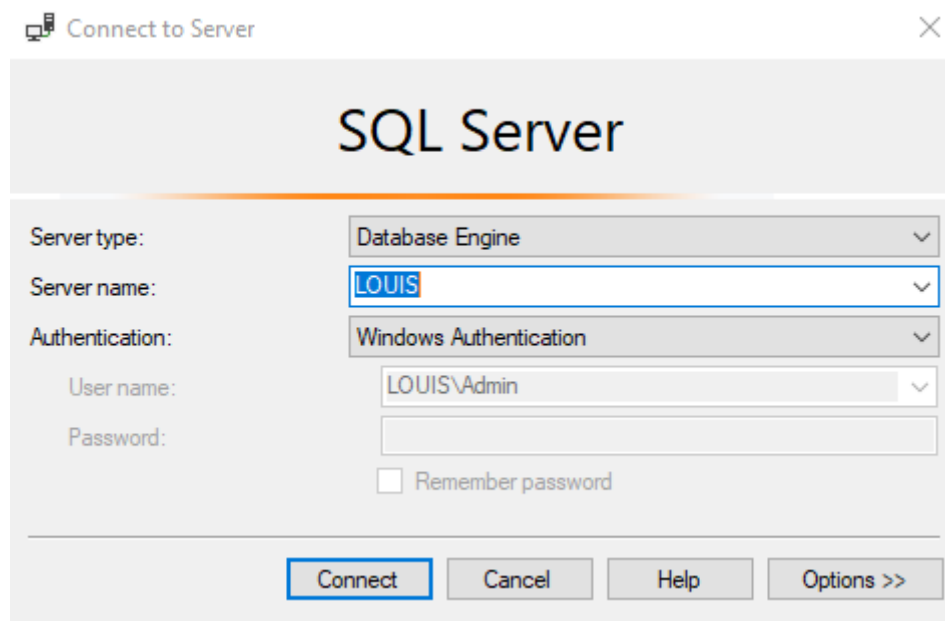
Hình 1: Tìm và mở ứng dụng Services

- Khi ứng dụng Services hiển thị, tìm kiếm và bật các dịch vụ của SQL Server ở hình dưới bằng cách nhấp chuột phải vào từng ứng dụng và chọn **Start**.



Hình 2: Bật các Services cần thiết

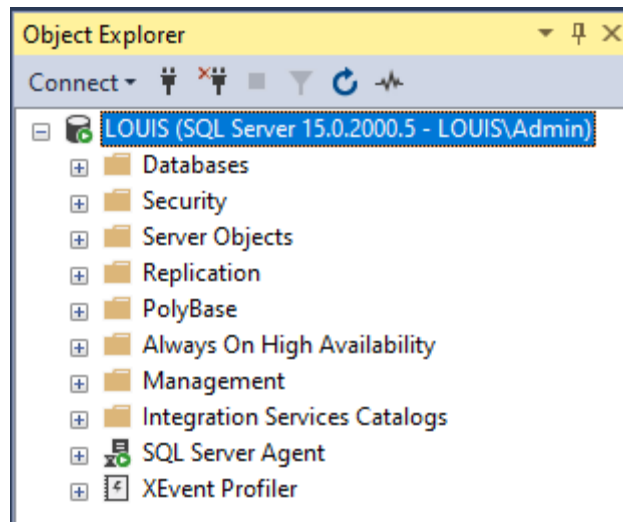
- **Bước 2:** Mở ứng dụng Microsoft SQL Server Management Studio trên máy tính và kết nối với server của từng site.



Hình 3: Kết nối với server của máy

- Chọn trường **Server name** là tên service của từng site.
- Chọn trường **Authentication** là Windows Authentication.
- Nhấn chọn **Connect**.

→ Khi ứng dụng hiển thị các thư mục có trong server nghĩa là việc kết nối với server ở từng site đã thành công.

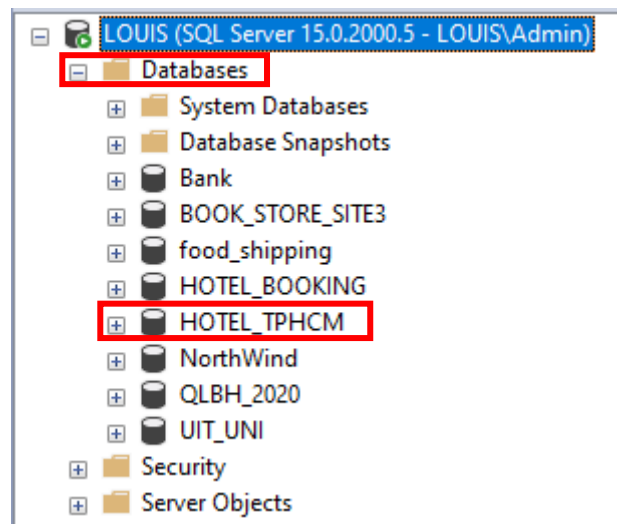


Hình 4: Các thư mục của server

3.2. Quy trình tạo và gán quyền cho User

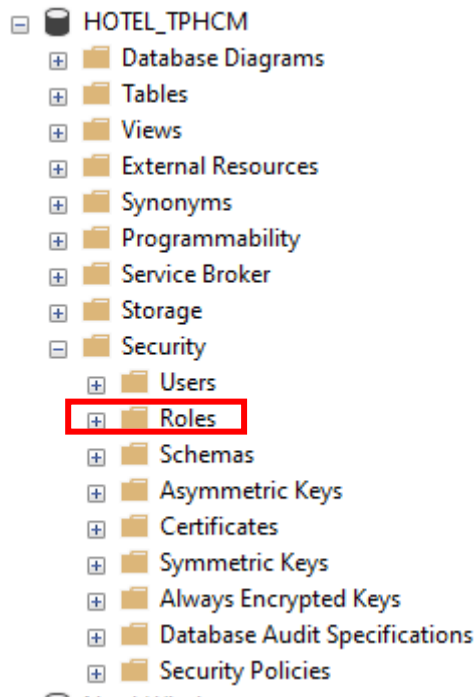
Đối với từng site, sau khi đã kết nối với server mình rồi thì sẽ tiến hành tạo quyền và tài khoản cho các site khác có thể truy cập vào cơ sở dữ liệu của mình.

- **Bước 1:** Xỏ thư mục Databases xuống và tìm đến database của đồ án.



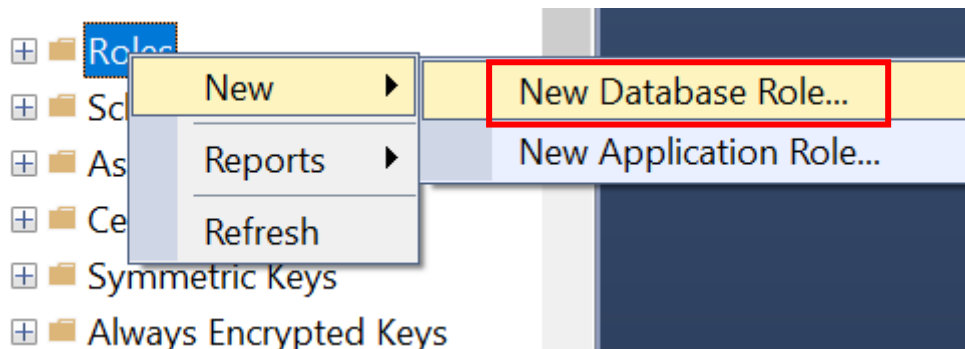
Hình 5: Chọn database của đồ án

- **Bước 2:** Xỏ Database xuống → Xỏ thư mục **Security** → Tìm thư mục **Roles**.



Hình 6: Tìm kiếm thư mục Roles

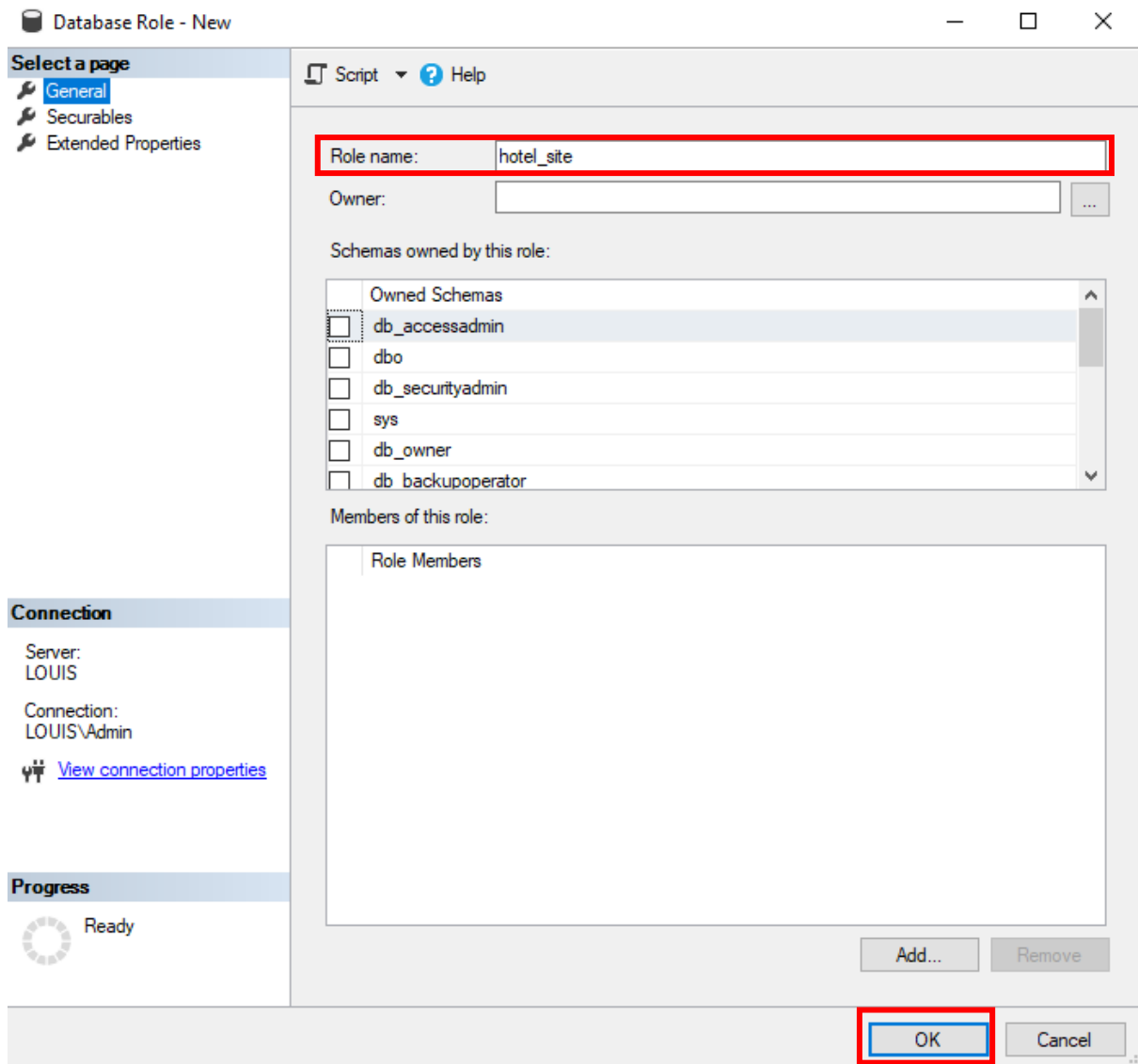
- **Bước 3:** Chuột phải vào thư mục **Roles** chọn **New Database Role**



Hình 7: Chọn phần New Database Role

- **Bước 4:**

- Cả 4 site sẽ có chung một quyền là **hotel_site** và được truy cập vào các site khác.
- Thế nên tại mỗi site chỉ cần tạo một role duy nhất.
- Tại mục **General**, nhập **Role name** là **hotel_site**
- Bỏ chọn các mục trong **Owned Schemas**.
- Nhấn **OK** để hoàn thành tạo role.



Hình 8: Tab General trong phần tạo Database Role

- Bước 5: Gán quyền cho Role

- Sử dụng câu lệnh **GRANT** để gán quyền cho role, với cú pháp như sau:
GRANT permission ([column...]) **ON** table **TO** role_name [WITH GRANT OPTION]

Trong đó:

- permission là các quyền muốn gán. Ví dụ như select, update,...
- column là danh sách các cột được phép gán quyền của bảng.
- table là tên của bảng cần gán quyền.
- role_name là tên của role cần gán quyền cho.

Ghi chú: lựa chọn WITH GRANT OPTION là không bắt buộc, cho phép người dùng đã có quyền này có thể gán quyền ấy cho các người dùng khác.

- Trong đồ án, tất cả các site được truy vấn dữ liệu từ các bảng của những site khác nên sẽ có 6 quyền **SELECT** trên 6 bảng.

- Tuy nhiên, đối với bảng PHONG và DICHVU, mỗi site sẽ có những yêu cầu, những loại phòng và những dịch vụ riêng. Thế nên đối với hai bảng này sẽ không chia sẻ quyền INSERT, UPDATE, DELETE cho những site khác.

```

1 GRANT SELECT ON PHONG TO hotel_site;
2 GRANT SELECT ON DICHVU TO hotel_site;
3 GRANT SELECT, INSERT, UPDATE, DELETE ON GIAMGIA TO hotel_site;
4 GRANT SELECT, INSERT, UPDATE, DELETE ON KHACHHANG TO hotel_site;
5 GRANT SELECT, INSERT, UPDATE, DELETE ON DATPHONG TO hotel_site;
6 GRANT SELECT, INSERT, UPDATE, DELETE ON DATDICHVU TO hotel_site;

```

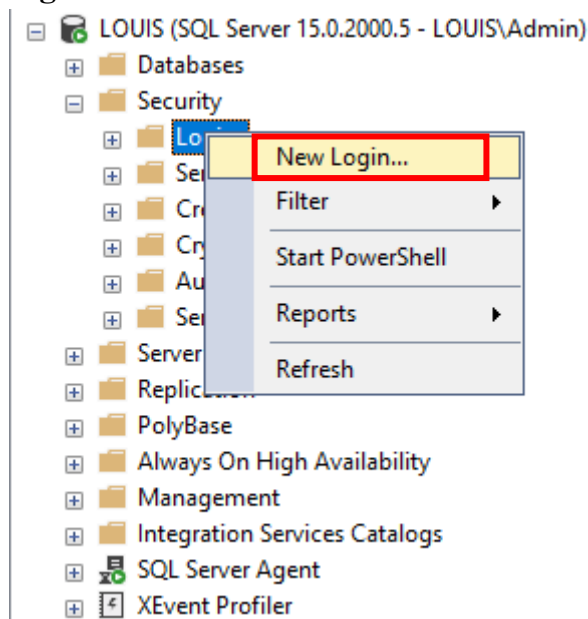
Hình 9: Các câu lệnh gán quyền được sử dụng trong đồ án

3.3. Quy trình tạo tài khoản

Tại mỗi site sẽ tạo tài khoản cho 4 người dùng là **hcm** (tương ứng với khu vực Tp.HCM), **hn** (tương ứng với khu vực Hà Nội), **hp** (tương ứng với khu vực Hải Phòng).

Tại mỗi site, tạo 4 login tương ứng với 4 tài khoản người dùng.

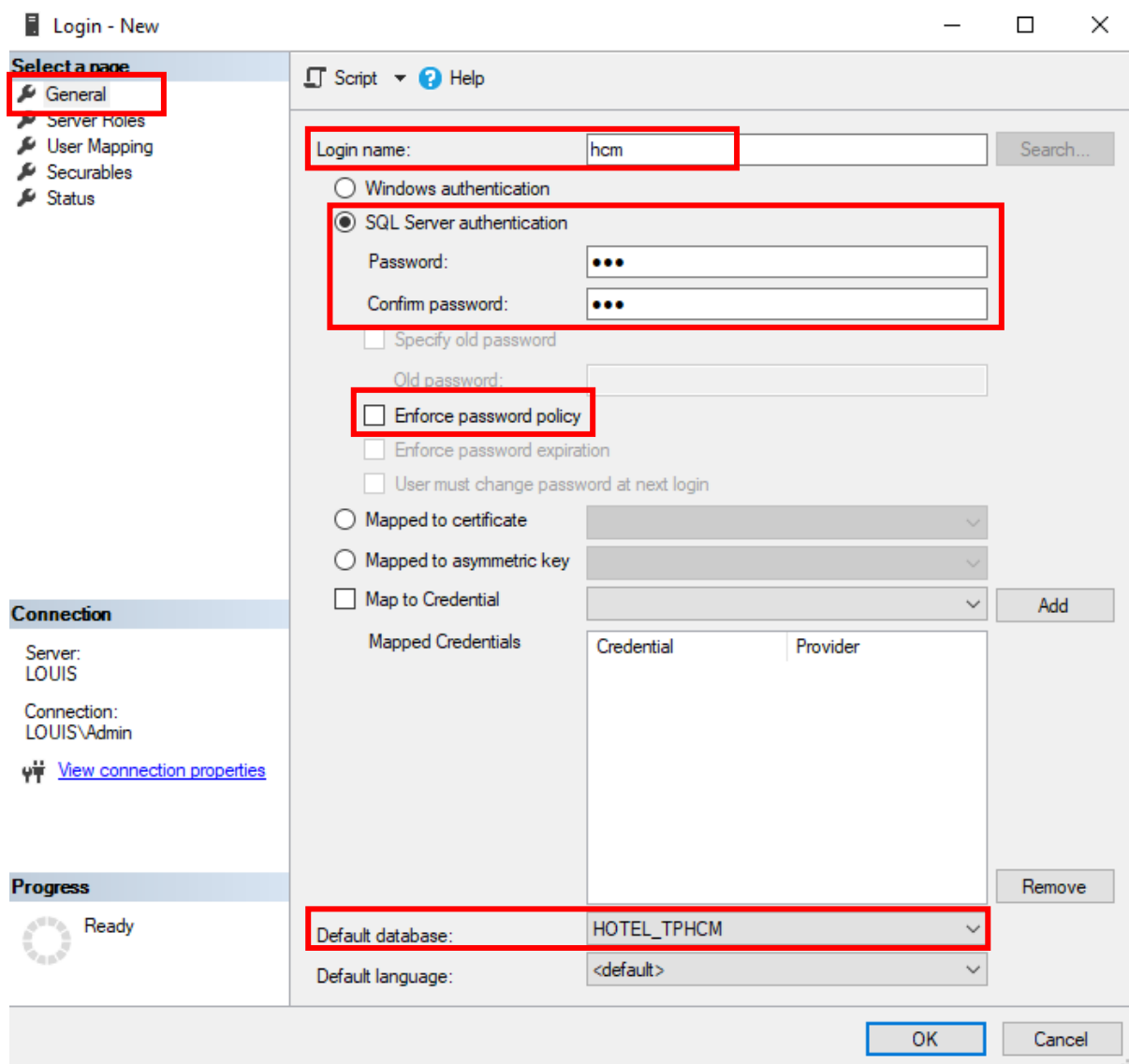
- **Bước 1:** Ở server, sổ mục **Security** → Tìm kiếm mục **Logins** → Nhấp chuột phải vào Logins và chọn **New Login...**



Hình 10: Chọn vào New Login

- **Bước 2:** Ở tab **General**:

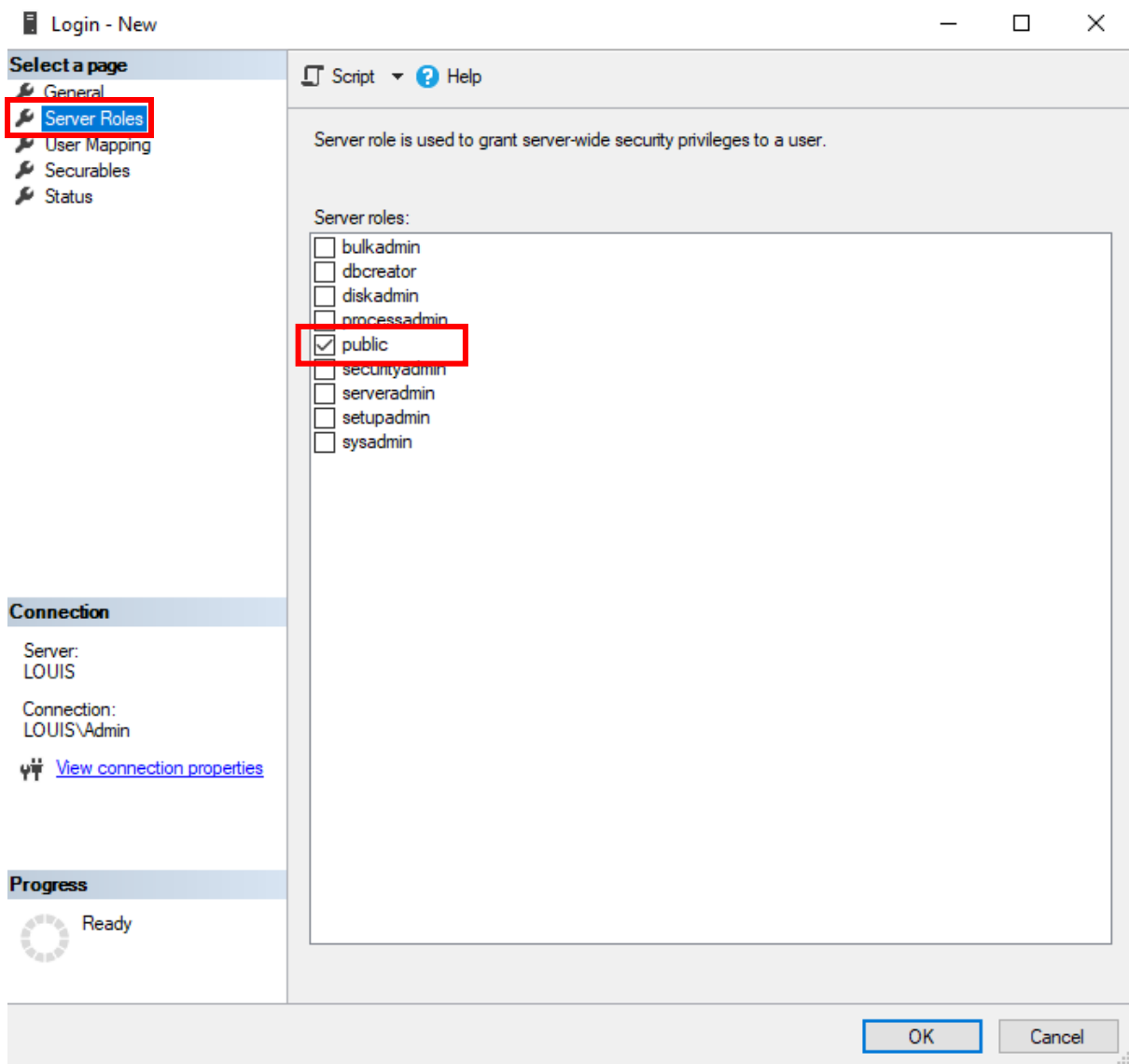
- Nhập **Login name** là tên của các login.
- Chọn vào **SQL Server authentication**.
- Tạo mật khẩu cho login ở mục **Password** và **Confirm password**.
- Có thể bỏ chọn mục **Enforce password policy** để khi login đăng nhập vào không cần phải đổi mật khẩu mới.
- Ở mục **Default database**, chọn vào database cần chia sẻ.



Hình 11: Tab General trong phần tạo Login

- **Bước 3:** Ở tab **Server Roles**:

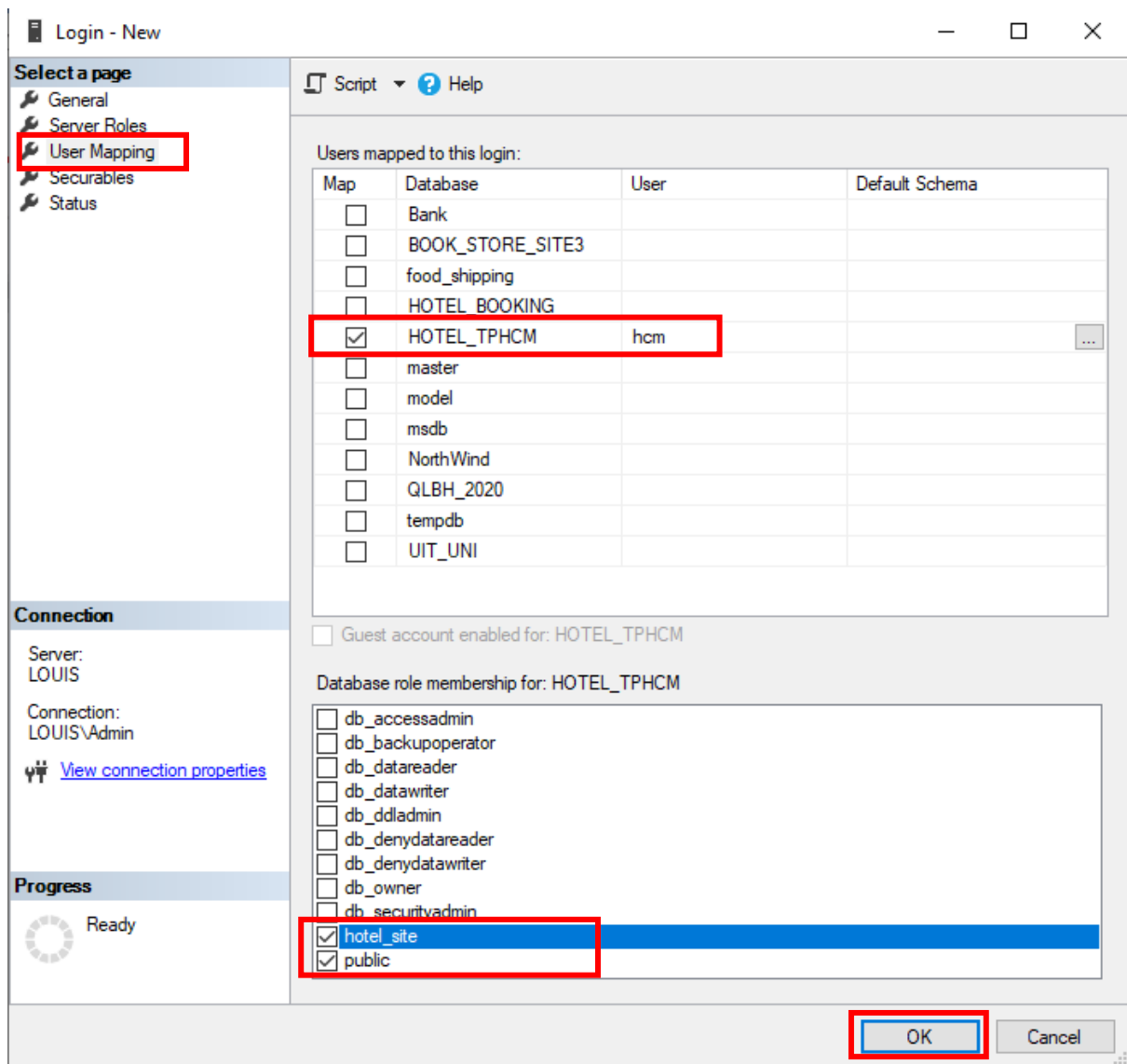
- Tick chọn vào **public** để chia sẻ quyền public cho login.



Hình 12: Tab Server Roles trong phần tạo Login

- **Bước 4:** Ở tab **User Mapping**:

- Tick chọn vào database cần map ở phần **Users mapped to this login**.
- Tick chọn các quyền được gán cho login ở mục **Database role membership for**.
- Nhấn **OK** để hoàn thành tạo login.



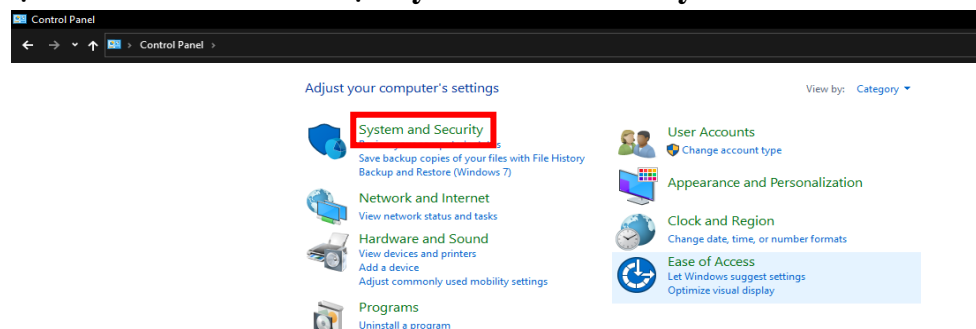
Hình 13: Tab User Mapping trong phần tạo Login

- Các login còn lại (hn, hp) cũng được tạo với các bước tương tự.

3.4. Quy trình kết nối hai thiết bị

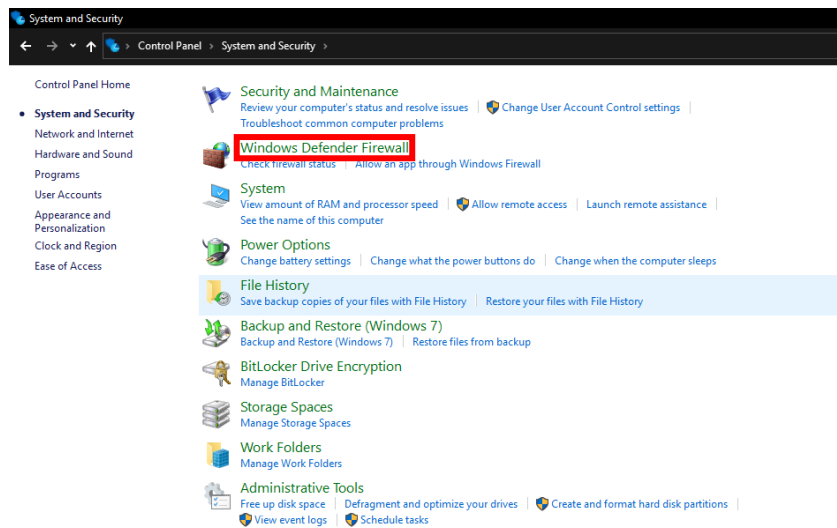
- **Bước 1:** Tắt tường lửa

- **Bật Control Panel → Chọn System and Security.**



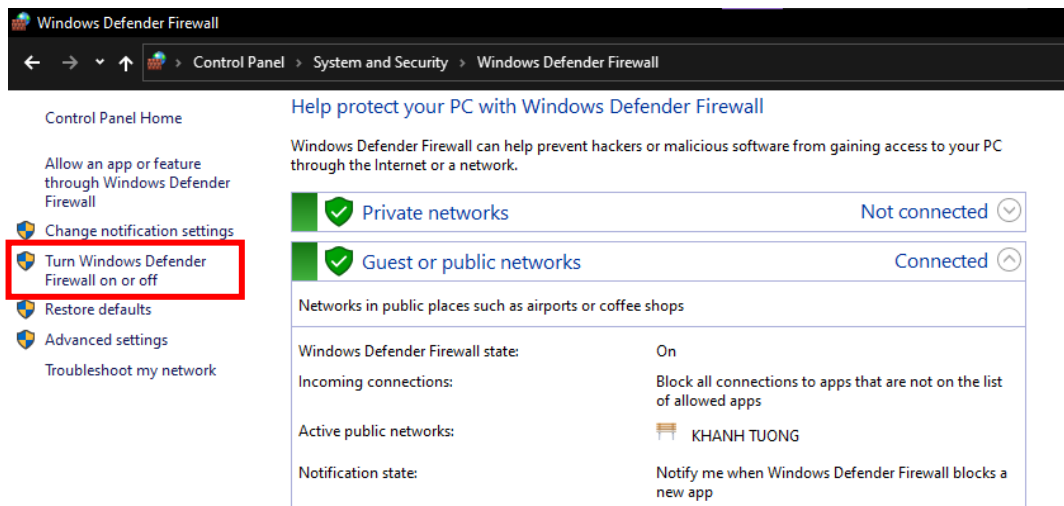
Hình 14: Chọn System and Security trong Control Panel

- Chọn mục **Windows Defender Firewall**



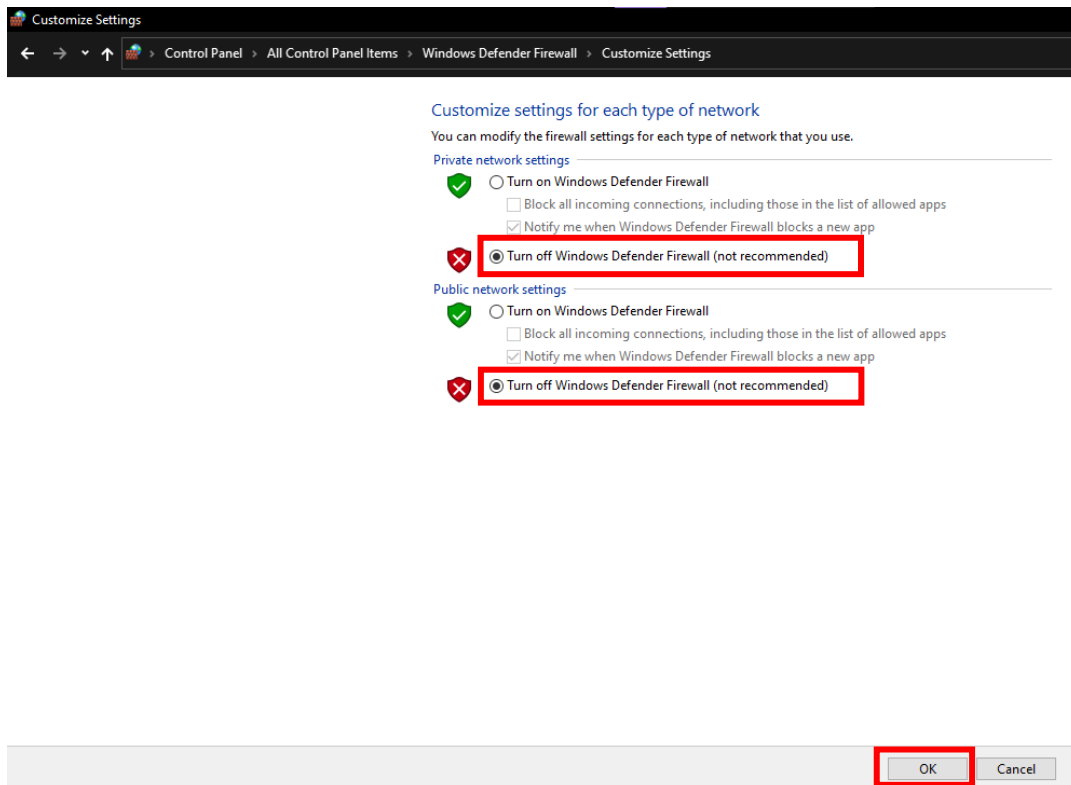
Hình 15: Chọn mục Windows Defender Firewall

- Chọn vào mục **Turn Windows Defender Firewall on or off**



Hình 16: Chọn Turn Windows Defender Firewall on or off

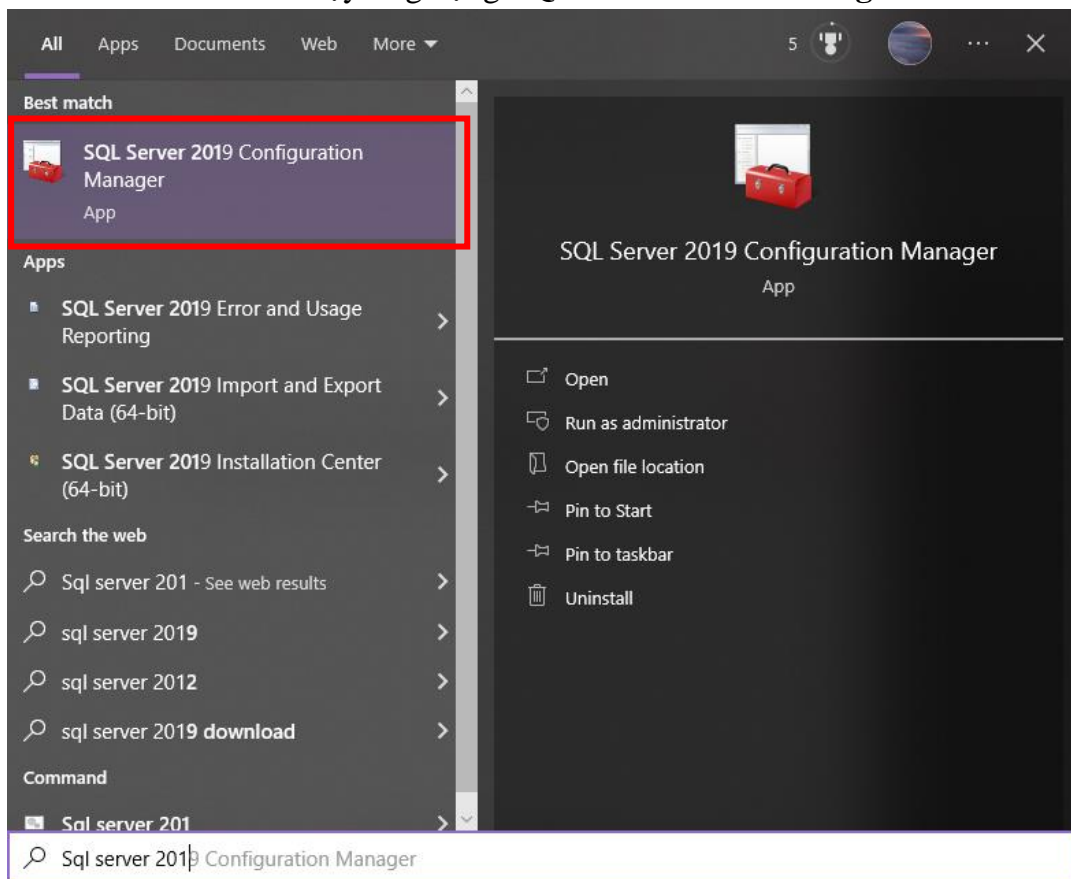
- Tick chọn Turn off cho Private network và Public network → Nhấn **OK**.



Hình 17: Tắt private và public network

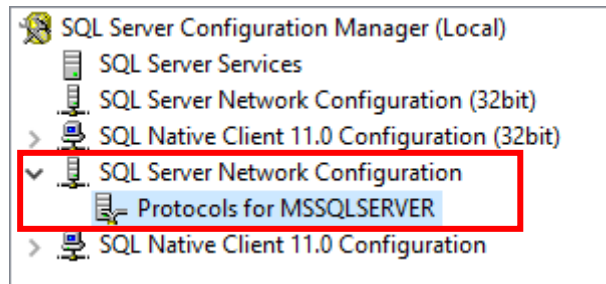
- **Bước 2:** Điều chỉnh TCP IP Protocol

- Tìm kiếm và khởi chạy ứng dụng **SQL Server 2019 Configuration Manager**.



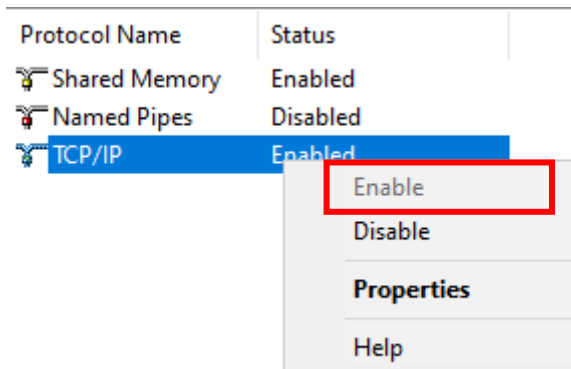
Hình 18: Tìm và chạy SQL Server 2019 Configuration Manager

- Xỏ mục **SQL Server Network Configuration** → Chọn vào **Protocols for MSSQLSERVER**.



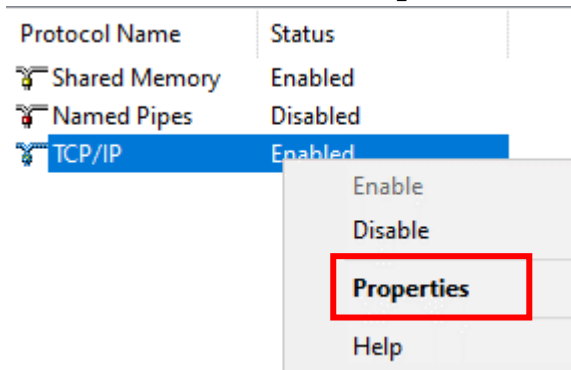
Hình 19: Chọn *Protocols for MSSQLSERVER*

- Nhấp chuột phải vào **TCP/IP** → Chọn **Enabled**.



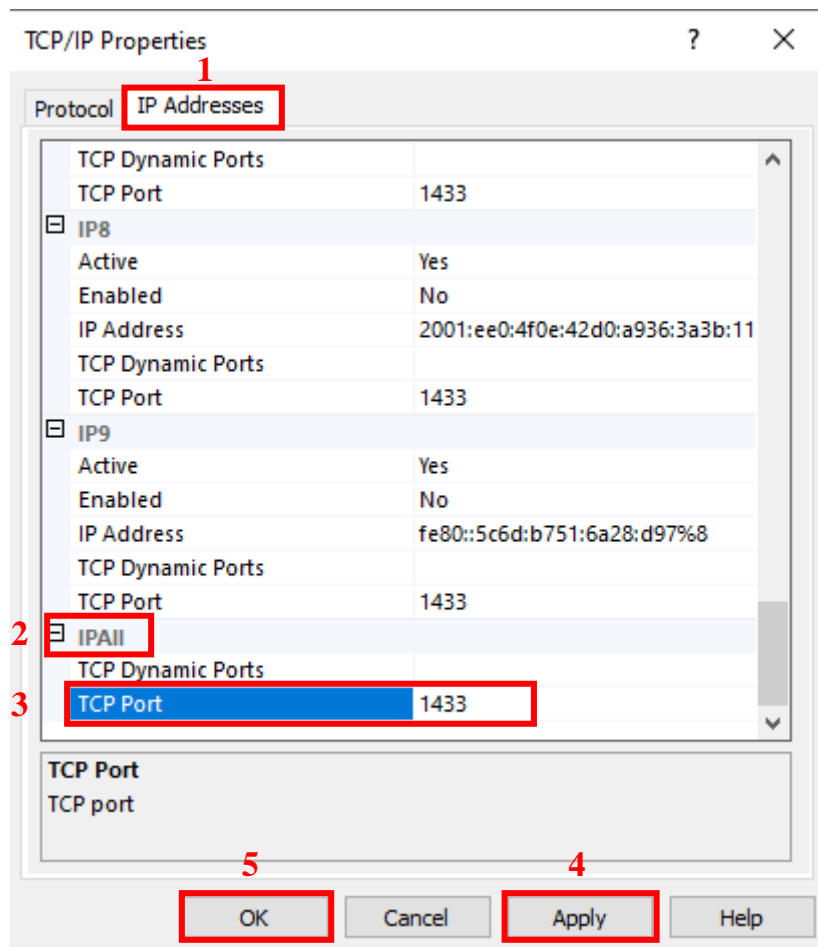
Hình 20: *Enable TCP/IP*

- Nhấp chuột phải vào **TCP/IP** → Chọn **Properties**.



Hình 21: Chọn phần *Properties* của *TCP/IP*

- Ở tab **IP Addresses**, tìm kiếm phần **IPAll** → Chỉnh **TCP port** thành 1433 → Chọn **Apply** → Chọn **OK**.



Hình 22: Chỉnh TCP Port của IPAll là 1433

- **Bước 3:** Kết nối với server của máy khác bằng tài khoản đã được cấp.

- Để hai máy có thể kết nối với nhau thì cả hai máy phải dùng chung một mạng Internet.
- Khi máy khách muốn kết nối với máy server thì cần phải biết được địa chỉ IP của máy server trên mạng.
- Máy server có thể truy cập vào **Command Prompt** và dùng lệnh **ipconfig** để xem địa chỉ IP của mình và cung cấp nó cho máy khách.

```
Command Prompt
Microsoft Windows [Version 10.0.19044.2251]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\Admin>ipconfig

Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet:

    Media State . . . . . : Media disconnected
    Connection-specific DNS Suffix  . :

Wireless LAN adapter Local Area Connection* 1:

    Media State . . . . . : Media disconnected
    Connection-specific DNS Suffix  . :

Wireless LAN adapter Local Area Connection* 10:

    Media State . . . . . : Media disconnected
    Connection-specific DNS Suffix  . :

Wireless LAN adapter Wi-Fi:

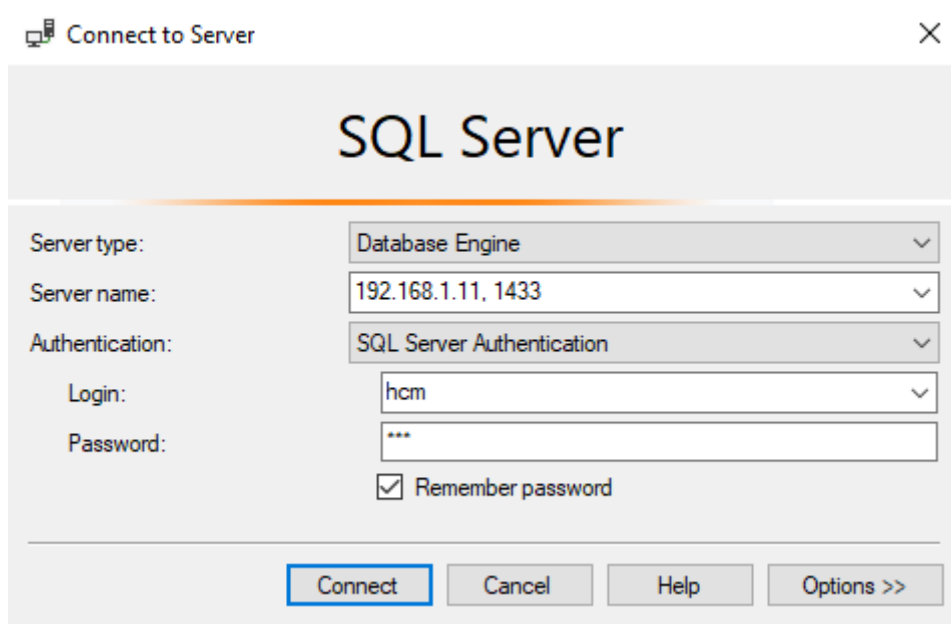
    Connection-specific DNS Suffix  . :
    Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::64ab:cba2:5f93:9c21%8
    IPv4 Address. . . . . : 192.168.1.11
    Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
    Default Gateway . . . . . : 192.168.1.1

Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:

    Media State . . . . . : Media disconnected
    Connection-specific DNS Suffix  . :
```

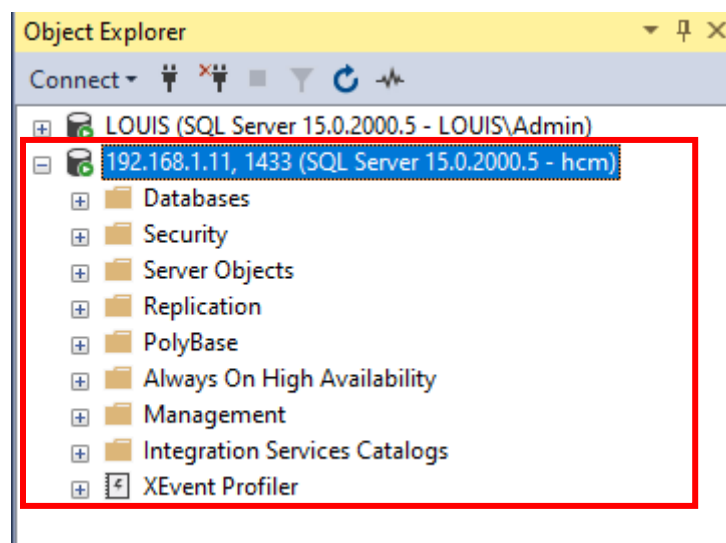
Hình 23: Xem địa chỉ IP của máy

- Máy khách khởi chạy SSMS.
- Nhập **Server name** là “*IP của máy server*, 1433”. Ví dụ với IP ở trên thì sẽ nhập Server name là **192.168.1.11, 1433**
- Chọn **Authentication** là SQL Server Authentication.
- Nhập **Login** là tên của user được cấp.
- **Password** là mật khẩu tương ứng với login.
- Có thể tick chọn **Remember password** để ghi nhớ mật khẩu cho lần đăng nhập sau.
- Nhấn chọn **Connect** để hoàn thành kết nối.



Hình 24: Kết nối tới server của máy khác

- Tại khung Object Explorer, connection của login được hiển thị nghĩa là việc kết nối với server của site khác đã thành công.



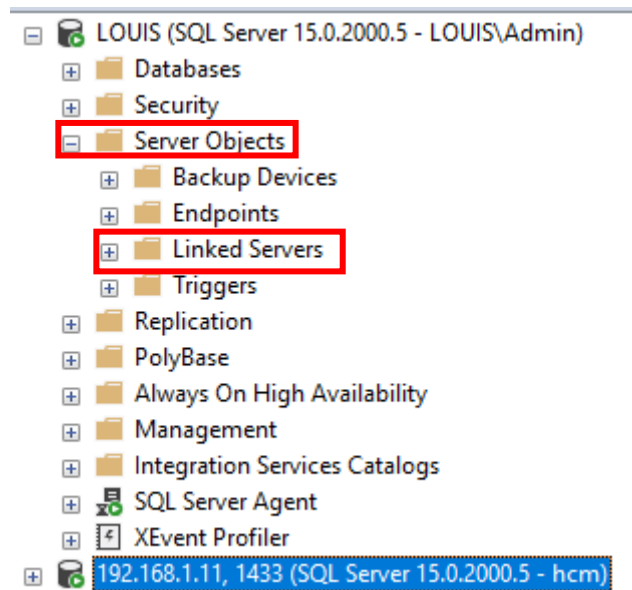
Hình 25: Các thư mục trong server của máy khác

3.5. Quy trình thực hiện Linked Server

Khi các máy khách đăng nhập được vào server của các site khác, ở máy khách sẽ thực hiện Linked Server cho các database đó.

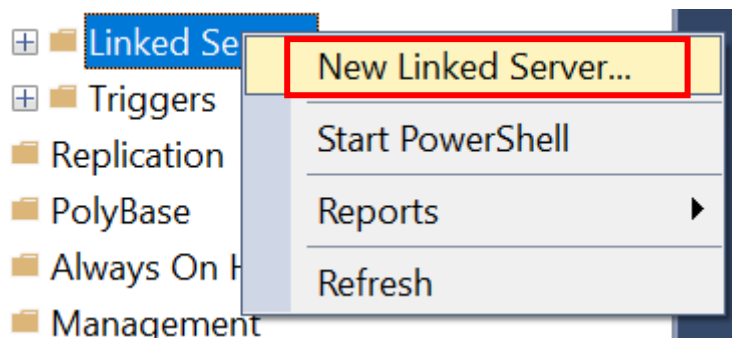
Việc thực hiện Linked Server sẽ được thực hiện trên Server của máy khách.

- **Bước 1:** Xổ thư mục **Server Objects** và tìm mục **Linked Server**



Hình 26: Tìm mục Linked Servers

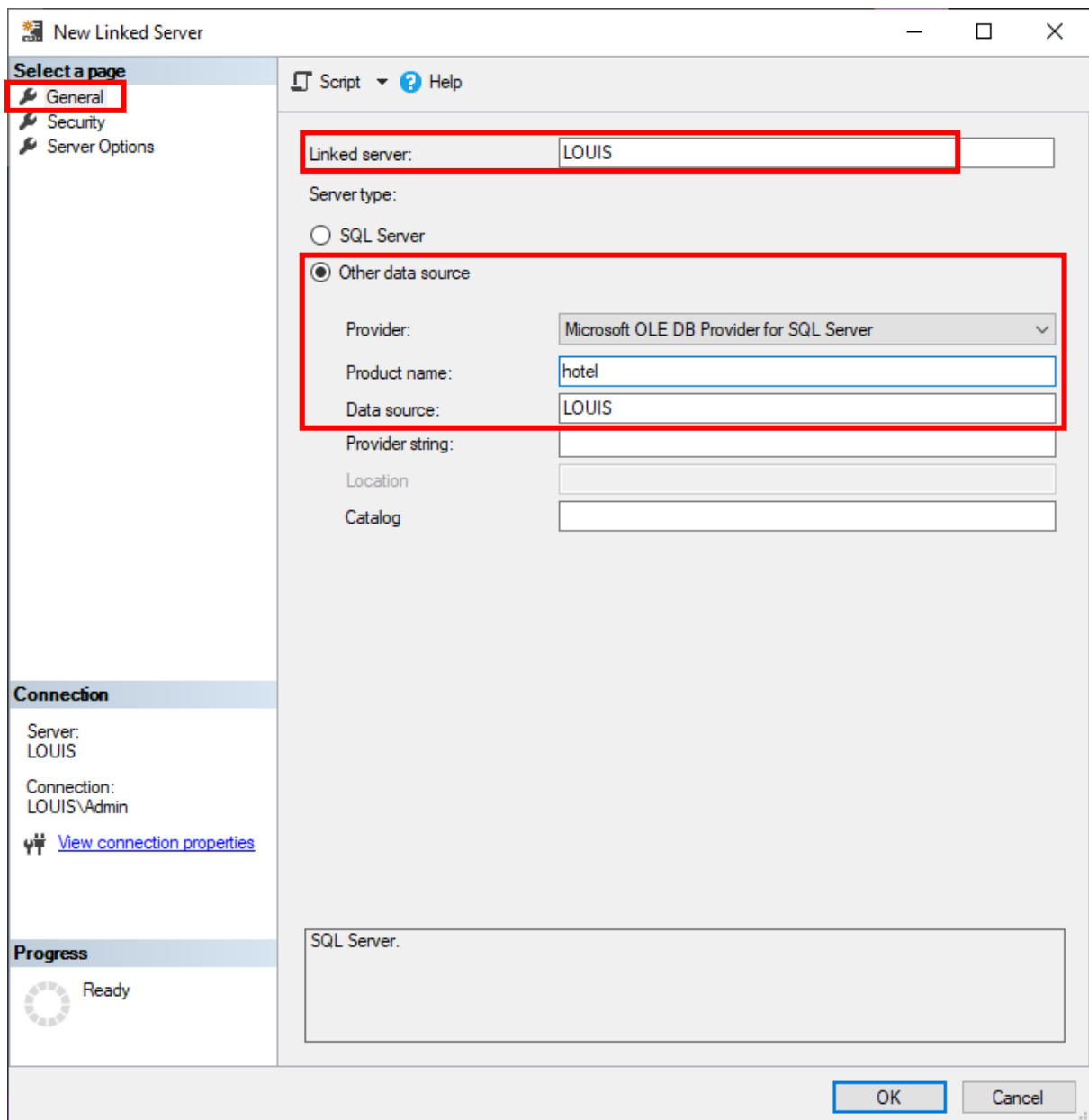
- **Bước 2:** Nhấp chuột phải vào mục **Linked Servers** và nhấn chọn **New Linked Server...**



Hình 27: Chọn vào New Linked Server

- **Bước 3:** Ở tab **General**:

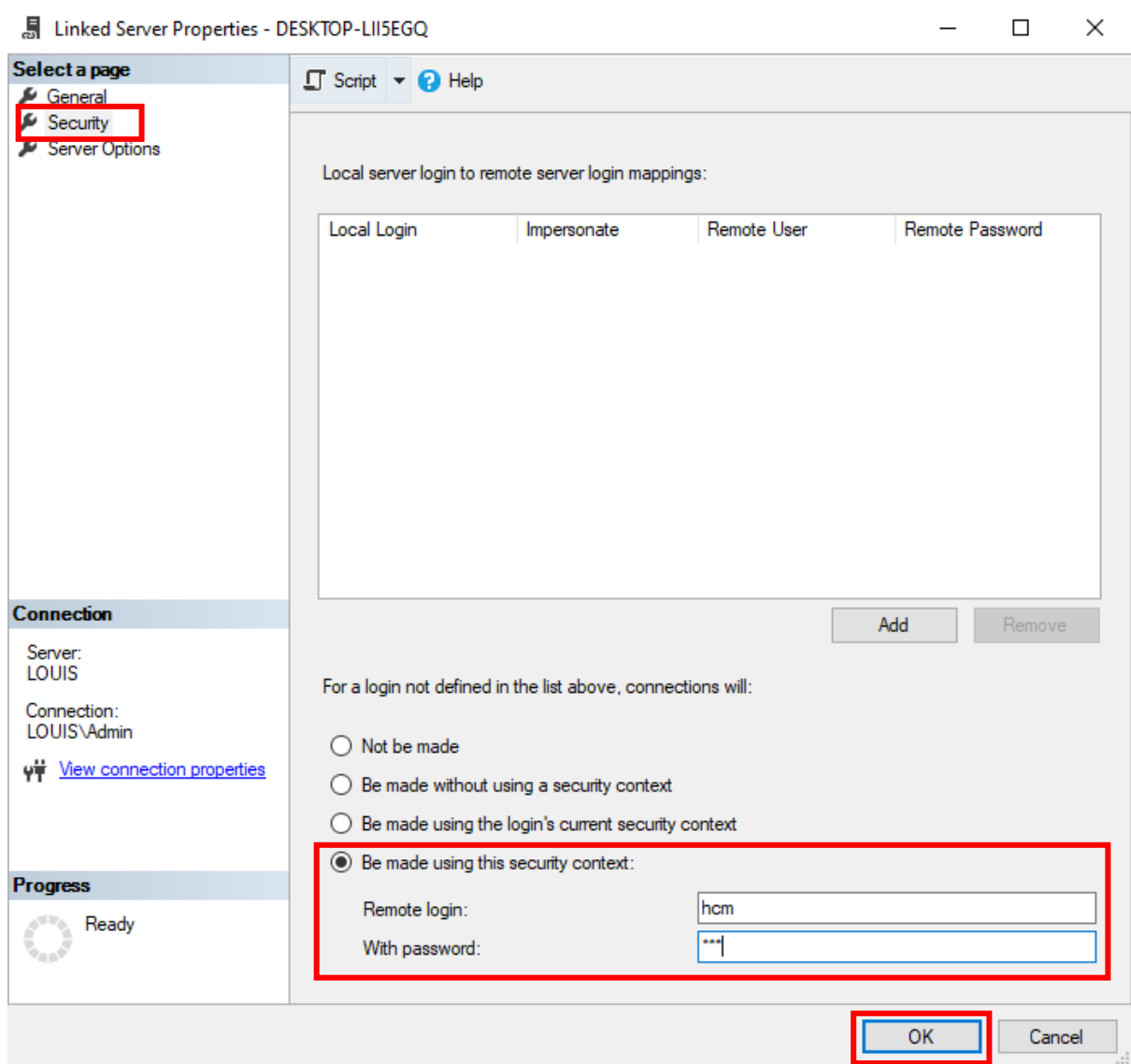
- Phần **Linked server** là tên của linked server mà bạn muốn đặt.
- Khi lựa chọn vào phần **Other data source**, bạn có thể tự đặt tên cho linked server và có thể liên kết với các thư viện có hỗ trợ kết nối với server.
- Lựa chọn **Provider**: lựa chọn tên của thư viện kết nối với server ở xa.
- Trường **Product name** là tên mà product mà bạn muốn đặt.
- Trường **Data source** là tên chính xác của server ở xa mà bạn muốn liên kết.



Hình 28: Tab General trong phần tạo Linked Server

- Bước 4: Ở tab Security:

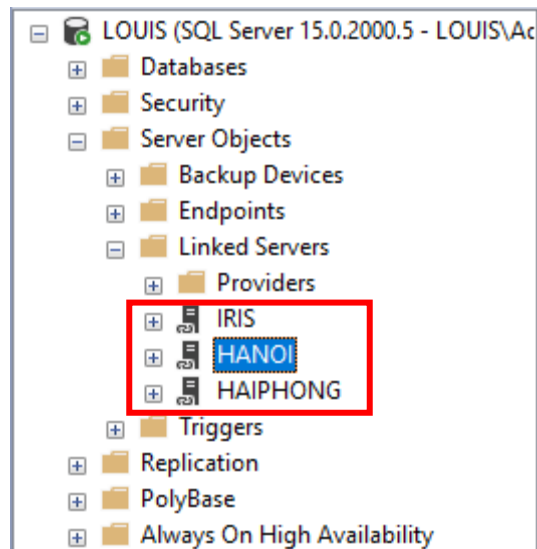
- Chọn vào mục **Be made using this security context**.
- Trường **Remote login** là tên của login mà bạn được cung cấp để truy cập vào server khác.
- Trường **With password** là mật khẩu được cung cấp kèm với login.
- Chọn **OK** để hoàn thành việc liên kết với server khác.



Hình 29: Tab Security trong phần tạo Linked Server

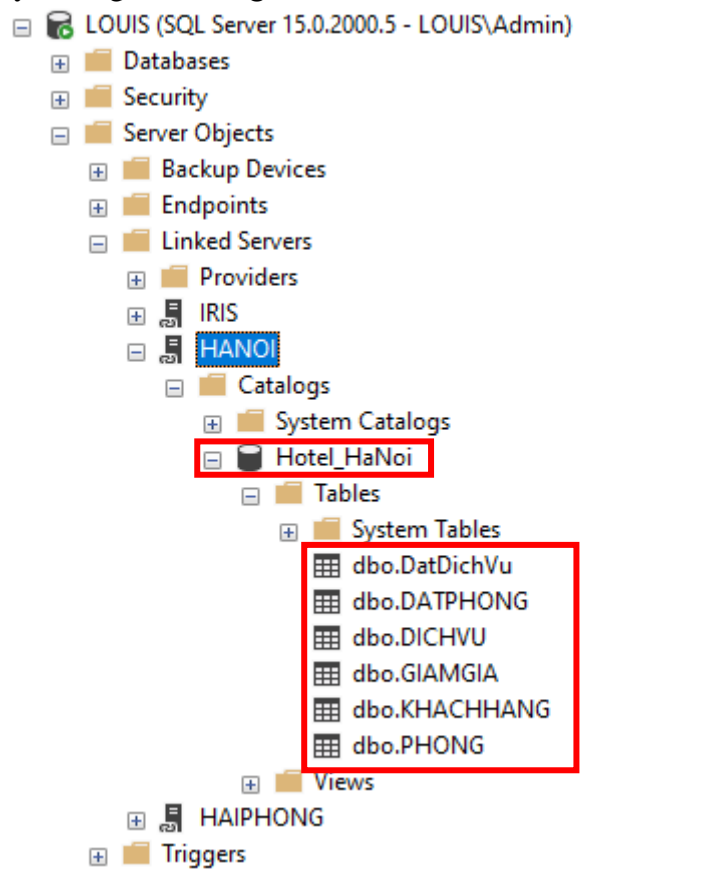
- **Bước 5:** Kiểm tra trạng thái Linked server

- Tại Server của máy khách, mở thư mục Server Objects → Mở thư mục Linked Servers.
- Tại đây sẽ hiển thị các server đã được liên kết với server của máy khách.



Hình 30: Các server đã được liên kết với máy

- Server vừa mới liên kết sẽ được hiển thị ở thư mục này.
- Bạn có thể xem các bảng mà login của site mình được phép truy cập bằng cách mở server ấy xuống, các bảng được chia sẻ sẽ được hiển thị ở đây.



Hình 31: Các bảng của server máy khác

- Như vậy là việc Linked server đã thành công.

~~~~~HẾT~~~~~